

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định về Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, thông qua chuyển đổi, thành lập, mở rộng, phát triển mới các dự án tổ hợp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản hải sản tập trung sang ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn tích hợp các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, năng lượng tái tạo, vật liệu xây dựng; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển, hỗ trợ chuyển đổi mô hình và quản lý nhà nước đối với dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết, hợp tác kinh doanh trong các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, thành lập, phát triển mới, chuyển đổi các dự án ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Kinh tế tuần hoàn” là một mô hình tổ chức hoạt động kinh tế hiện đại có tính khép kín và liên hoàn của nhiều đơn vị sản xuất gắn kết với nhau trên nguyên tắc “mọi thứ đều là đầu vào của sản phẩm khác”, tận dụng hiệu quả dịch vụ kết nối (tài chính, logistics, công nghệ thông tin và truyền thông), hướng tới

liên kết sản xuất có tính tuần hoàn nhằm: tiết kiệm chi phí sản xuất và tối ưu hóa giá trị gia tăng trên cơ sở giảm thiểu chất thải trong quá trình sản xuất, hợp lý hóa quy trình đầu vào – đầu ra của các quy trình gắn với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động, sản xuất và sử dụng hợp lý các dạng năng lượng tái tạo trong sản xuất, và phục hồi tài nguyên có thể tái tạo được, thúc đẩy tiêu dùng bền vững, giảm phát thải và góp phần chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

2. Dự án “kinh tế tuần hoàn”, “kinh tế sinh thái tuần hoàn”, “tổ hợp kinh tế sinh thái tuần hoàn”, “tổ hợp kinh tế tuần hoàn”, “cụm kinh tế tuần hoàn”, “khu kinh tế tuần hoàn” (sau đây gọi chung là “dự án kinh tế tuần hoàn”) là khu vực có ranh giới địa lý xác định, có không gian kinh tế đa chiều bao gồm các hợp phần, lĩnh vực, hoạt động kinh tế được tích hợp quy hoạch đa năng, liên kết hoạt động chặt chẽ tạo thành lưới, chuỗi giá trị có tính tuần hoàn, liên kết.

3. Cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi và thời gian hoặc đối tượng khách hàng, trong đó các tổ chức tham gia có thể thử nghiệm các mô hình, giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực cụ thể theo quy định tại Nghị định này và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm là doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm bao gồm các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân khác sử dụng các mô hình, giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn và các đối tác hợp tác có liên quan trực tiếp tới các mô hình, giải pháp của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Điều 4. Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm

1. Tạo môi trường thử nghiệm cho chuyển đổi, phát triển, vận hành thành công các dự án tham gia cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm tạo động lực sớm hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả kinh tế và cải thiện việc làm, thu nhập cho người lao động trong quá trình tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.

2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp cận, thử nghiệm, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, các giải pháp chuyển đổi số, công nghệ mới hiện đại, có tính đột phá, thích ứng với các xu hướng lớn trên toàn cầu, thân thiện với chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, phù hợp với xu hướng phát triển xanh, bền vững, tích hợp linh hoạt giữa các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp, năng lượng, vật liệu xây dựng trên nền tảng đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, hiệu quả kinh tế bền vững.

3. Xây dựng nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm tạo ra từ dự án kinh tế tuần hoàn, cải thiện năng suất, cơ cấu lao động ổn định, thiết lập

tính chủ động, tăng khả năng chống chịu, thích ứng đối với các yếu tố an ninh truyền thống và phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, đứt gãy chuỗi cung ứng, thay đổi chính sách thương mại và các quy định hàng rào kỹ thuật ở các thị trường xuất nhập khẩu.

4. Hạn chế rủi ro xảy ra đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã khi phát triển, chuyển đổi sang các dự án kinh tế tuần hoàn chưa được quy định trong khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức.

5. Kết quả triển khai Cơ chế thử nghiệm được sử dụng làm căn cứ thực tiễn để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, quy định quản lý liên quan.

6. Các chính sách thử nghiệm không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm

Việc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bảo đảm tính công bằng, khách quan, công khai và minh bạch thông qua các nguyên tắc sau:

1. Việc được tham gia Cơ chế thử nghiệm không đồng nghĩa với việc tổ chức tham gia thử nghiệm sẽ được cấp các giấy phép, giấy chứng nhận liên quan theo quy định của pháp luật liên quan đến việc sản xuất, phát triển, kinh doanh các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ dự án kinh tế tuần hoàn.

2. Các dự án kinh tế tuần hoàn được xem xét tham gia Cơ chế thử nghiệm phát thuộc các lĩnh vực được quy định tại Nghị định này.

3. Quá trình xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đảm bảo tính minh bạch về tiêu chí, quy trình đánh giá, lựa chọn.

Điều 6. Nguyên tắc đối xử với các tổ chức, nhà đầu tư không tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Đối với tổ chức không có nhu cầu tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc không được tham gia Cơ chế thử nghiệm do không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này, các tổ chức này hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các lĩnh vực được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản;
2. Công nghiệp;
3. Năng lượng tái tạo;
4. Vật liệu xây dựng.

Điều 8. Các nội dung chính sách được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm

1. Các nội dung chính sách thử nghiệm trong Cơ chế thử nghiệm bao gồm:

- a. Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế.
- b. Phân loại xanh.
- c. Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ.
- d. Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh.
- e. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực.
- f. Chính sách đất đai.

2. Các nội dung chính sách tại Khoản 1 Điều này được quy định cụ thể lại Chương III của Nghị định này.

3. Ngoài các nội dung chính sách thử nghiệm trong Cơ chế thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được hưởng các ưu đãi phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; phối hợp với các Bộ liên quan để thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm (sau đây gọi là hồ sơ); cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.

Chương II

ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

Điều 10. Điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Tổ chức được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi đáp ứng **đồng thời** các điều kiện và tiêu chí như sau:

1. Điều kiện

a. Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành;

b. Có năng lực tài chính hoặc kế hoạch tiếp cận tài chính rõ ràng, khả thi; không có nợ xấu, vi phạm nghiêm trọng về thuế hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

c. Có dự án kinh tế tuần hoàn cụ thể hoặc đề xuất dự án kinh tế tuần hoàn cụ thể thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 7.

2. Các tiêu chí

- Dự án kinh tế tuần hoàn có kế hoạch khả thi và có tiềm năng phát huy tác động tích cực *cả* về kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó tác động về kinh tế là chủ đạo, thể hiện qua lợi nhuận của doanh nghiệp, năng suất lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Dự án kinh tế tuần hoàn chủ yếu sử dụng nguyên liệu đầu vào trong nước.

- Dự án kinh tế tuần hoàn dựa đáng kể trên nền tảng tiếp cận, ứng dụng và làm chủ các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0; trường hợp nhập khẩu và sử dụng các công nghệ của các nước phát triển thì phải có kế hoạch rõ ràng và khả thi về chuyển giao công nghệ, làm chủ và tiến tới phát triển công nghệ ở Việt Nam.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký

1. Hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm gồm một (01) bản gốc và năm (05) bản sao, mỗi bộ Hồ sơ bao gồm các tài liệu cụ thể như sau:

a. Văn bản đề nghị thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b. Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức đề xuất tham gia Cơ chế thử nghiệm;

c. Tài liệu chứng minh năng lực tài chính hoặc khả năng tiếp cận tài chính của tổ chức đề xuất tham gia Cơ chế thử nghiệm, gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ (nếu có); cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của tổ chức;

d. Thuyết minh dự án kinh tế tuần hoàn, đề xuất dự án đầu tư, sơ đồ nguyên lý chu trình vận động liên kết giữa các hợp phần, mô phỏng quy hoạch mặt bằng theo phân khu chức năng, bảng thống kê chỉ tiêu, diện tích các loại đất dự kiến sử dụng trong dự án kinh tế tuần hoàn, trích lục, sơ đồ thửa đất, vị trí thửa đất dự kiến triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm.

Trong đó, đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: Nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

e. Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

Trường hợp nhà đầu tư đã chủ động ứng tiền thỏa thuận giải phóng mặt bằng xong nhà đầu tư đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì dựa trên bản trích lục, sơ đồ thửa đất, mô phỏng mặt bằng dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm, nhà đầu tư lập trích lục, sơ đồ, tọa độ, vị trí ranh giới thửa đất, lập bảng thống kê chỉ tiêu diện tích, phân loại đất theo mục đích sử dụng tương ứng gửi hồ sơ đến nơi tiếp nhận, tổ công tác chuyên trách thẩm định, trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

f. Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: phạm vi và thời gian thử nghiệm, kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm, nguồn lực tham gia thử nghiệm, các nguyên tắc trao đổi, báo cáo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong giai đoạn thử nghiệm và kế hoạch chấm dứt thử nghiệm.

g. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

h. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

i. Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm:

a. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;

b. Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật;

Điều 12. Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm

1. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp hồ sơ quy định tại Điều 11 Nghị định này trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu các tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

3. Trong vòng 60 ngày làm việc, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết).

Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản đề nghị, các Bộ liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, hồ sơ bổ sung, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ bao gồm cả việc xin ý kiến các Bộ liên quan (nếu cần thiết).

4. Sau khi thời gian thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này kết thúc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với tổ chức có hồ sơ đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp từ chối, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Thời gian và phạm vi thử nghiệm.

1. Thời gian thử nghiệm tối đa 05 năm, có thể gia hạn 01 lần với thời gian gia hạn tối đa 05 năm, tính từ thời điểm được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Một số yếu tố được cân nhắc để quyết định thời gian thử nghiệm hoặc thời gian gia hạn thử nghiệm bao gồm nhưng không giới hạn mức độ phức tạp, tính chất, lĩnh vực và thời gian cần thiết để tạo tác động lan tỏa của dự án kinh tế tuần hoàn và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

2. Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

3. Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm.

Chương III

CÁC NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRONG CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

Điều 14. Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế

1. Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp- năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư dự án kinh tế tuần hoàn tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực xuất, nhập cảnh có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp theo quy định; được tạm trú, thường trú trong khu công nghiệp, khu kinh tế và ở Việt Nam theo quy định pháp luật về cư trú và pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 15. Phân loại xanh

1. Phân loại xanh đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm:

a. Dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần là dự án kinh tế tuần hoàn gồm chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom, sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp tạo lên chuỗi chu trình vận động dòng chảy vật chất liên tục cấu thành lên chuỗi, lưới giá trị hoạt động không phát thải khí nhà kính ra môi trường. Dự án kinh tế tuần hoàn xanh toàn phần vận động dựa trên nguyên tắc sử dụng toàn bộ sản phẩm, phế phẩm, phụ phẩm, chất thải của chu trình sản xuất, chế biến ban đầu được tái chế, tái sử dụng làm nguyên liệu, phương tiện, công cụ đầu vào cho chu trình hoạt động sản xuất, chế biến, chế tạo, tái tạo kế tiếp.

b. Dự án kinh tế tuần hoàn bán phần (một phần): Là dự án kinh tế tuần hoàn gồm chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom, sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp tạo lên chuỗi chu trình vận động dòng chảy vật chất liên tục, nối tiếp cấu thành lên chuỗi giá trị. Trong đó, tổng khối lượng giảm phát thải khí nhà kính của chuỗi các hoạt động canh tác, nuôi trồng, khai thác, thu gom, sản xuất, chế biến, tái chế, tái tạo nối tiếp cấu thành lên chuỗi hoạt động có tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính lớn hơn tỷ lệ phát thải khí nhà kính.

2. Việc xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần hoặc dự án kinh tế tuần hoàn bán phần được thực theo một trong hai phương án sau:

a. Phương án 1: Tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về đo lường và pháp luật khác có liên quan.

b. Phương án 2: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận dự án hoặc hạng mục của dự án thuộc danh mục phân loại xanh.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, và các bộ, ngành liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện khoản 2 Điều này.

Điều 16. Chính sách tư vấn công nghệ, chuyển giao công nghệ

1. Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương tư vấn giới thiệu công nghệ, hỗ trợ 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách, hồ sơ thông tin chuyên môn, năng lực chuyên gia, hồ sơ chứng minh chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật thuế, khoa học công nghệ, pháp luật khác về việc ưu đãi chi trả cho chuyên gia làm việc trong dự án tham gia cơ chế thử nghiệm.

2. Đối với các dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được nhận chuyển giao công nghệ được nhà nước miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, ưu tiên thông quan hàng hóa. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách thông tin, mô tả về công nghệ gồm tên loại, lĩnh vực, xuất xứ, tính ứng dụng công nghệ, đánh giá sơ bộ tiềm năng phát triển trong tương lai, các văn bản thể hiện sự quan tâm tới việc tiêu thụ, bao tiêu, sử dụng đầu ra của các sản phẩm được sản xuất ra bởi công nghệ sử dụng trong dự án kinh tế tuần hoàn đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

3. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

Điều 17. Chính sách tín dụng xanh, trái phiếu xanh

1. Chính sách tín dụng xanh

a) Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm được tiếp cận, huy động, vay vốn ưu đãi, vay vốn không bảo lãnh chính phủ đối với các khoản tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh, các quỹ an sinh xã hội, quỹ môi trường, quỹ phát triển xanh, quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, định chế tài chính.

b) Tín dụng cấp cho dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần không được tính trong chỉ tiêu tín dụng được Ngân hàng Nhà nước phân bổ cho các tổ chức tín dụng.

2. Chính sách trái phiếu xanh

a) Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép hợp tác với các đơn vị có chức năng, đủ điều kiện, được phép phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về trái phiếu, được hợp tác với quỹ đầu tư phát triển cấp tỉnh để phát hành trái phiếu xanh chính quyền địa phương, được phép liên kết đối tác trong

nước, quốc tế xây dựng thử nghiệm sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện ứng dụng công nghệ chuỗi khối block chain, NFT, công nghệ chống giả gắn chip RFID.

b) Mỗi tỉnh, thành phố không được có quá 05 (năm) tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phát hành trái phiếu xanh và chỉ có duy nhất 01 (một) đơn vị được cho phép hợp tác liên kết với quỹ đầu tư phát triển địa phương thử nghiệm vận hành hoạt động sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện. Thời hạn trái phiếu xanh, thời gian vận hành thử nghiệm hoạt động sàn giao dịch trái phiếu xanh, tín chỉ cacbon tự nguyện không vượt quá thời hạn dự án đăng kí tham gia cơ chế thử nghiệm, trừ trường hợp có các quy định mới khác ở cấp Luật, Nghị quyết của Quốc hội.

c) Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng kí tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện quy trình phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu.

Điều 18. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

2. Nhà nước hỗ trợ 50% chi phí đào tạo nghề, chi phí chuyển đổi nghề nghiệp nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm lập danh sách lao động cần được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp gửi đơn vị có thẩm quyền cấp thu hồi giấy chứng nhận đăng kí tham gia cơ chế thử nghiệm phê duyệt.

3. Nhà nước, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo, kết nối các đơn vị cung ứng lao động, trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định bảo đảm nguồn lao động đúng chất lượng, đủ số lượng yêu cầu cho thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

Điều 19. Chính sách đất đai

1. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép sử dụng đất mục đích hỗn hợp, tích hợp đa năng bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm.

2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đối với phần đất trong ranh giới, chỉ giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

3. Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố ưu tiên sử dụng mặt bằng sạch có sẵn, chịu trách nhiệm giải phóng sạch mặt bằng trong trường hợp nhà đầu

tư ứng tiền giải phòng mặt bằng khu đất tại địa phương có vị trí, địa hình, đặc điểm phù hợp với quy mô dự án kinh tế tuần hoàn được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm dự kiến để triển khai xây dựng dự án.

4. Tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thu tiền sử dụng đất đối với phần đất dự kiến triển khai dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm để làm tài sản đảm bảo phát hành bảo lãnh ngân hàng khi phát hành trái phiếu xanh. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư công kết dư, chậm giải ngân, vốn đã bố trí cho dự án đầu tư công nhưng dự án không còn hiệu quả điều chuyển sang mục đích giải phòng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Chương IV

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM

Điều 20. Chế độ báo cáo.

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyền yêu cầu các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất.

2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin đột xuất về quá trình thử nghiệm, các rủi ro phát sinh, kết quả triển khai thử nghiệm cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm tự thiết lập các chỉ tiêu báo cáo tương ứng với ngành, lĩnh vực của dự án kinh tế tuần hoàn thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ hàng quý về các tình hình thực hiện, vướng mắc (nếu có), chỉ tiêu vận hành của dự án kinh tế tuần hoàn tham gia. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ mỗi sáu (06) tháng về tình trạng triển khai và vận hành, các kết quả về kinh tế-xã hội-môi trường đã đạt được, mức độ tiếp nhận của thị trường, các vấn đề phát sinh (nếu có), các kiến nghị (nếu có).

3. Trước khi kết thúc thời hạn thử nghiệm ít nhất 90 ngày làm việc, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo tổng kết và đánh giá hoạt động thử nghiệm. Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ trên báo cáo tổng kết quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và quá trình theo dõi, giám sát, ý kiến góp ý, nhận xét của các Bộ liên quan (nếu có) để có phương án xử lý tiếp

theo sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm bao gồm: gia hạn thử nghiệm hoặc chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Điều 21. Dừng thử nghiệm

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây rủi ro lớn về kinh tế, xã hội và môi trường; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực;

c) Tổ chức tự nguyện chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

d) Tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;

đ) Có thay đổi quy định pháp luật dẫn đến phải thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp;

e) Giải pháp thử nghiệm không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan quản lý;

g) Thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bị dừng thử nghiệm không đồng nghĩa với việc không đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Các tổ chức tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động.

3. Trình tự xử lý

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo định kỳ hoặc trên cơ sở các thông tin, bằng chứng liên quan về rủi ro đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm theo các trường hợp được nêu tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với quá trình thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo định kỳ hoặc trên cơ sở các thông tin, bằng chứng liên quan về rủi ro đối với dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm theo các trường hợp được nêu tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định về việc dừng thử nghiệm đối với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

c) Ngay khi nhận được thông báo về quyết định dừng thử nghiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch chấm dứt thử nghiệm và công khai kế hoạch chấm dứt thử nghiệm, đảm bảo tính khả thi để hoàn tất trong thời hạn tối đa 06 tháng;

- Bảo đảm quyền lợi khách hàng và có cơ chế giải quyết khiếu nại, bồi thường cho khách hàng trong trường hợp khách hàng bị thiệt hại do việc tổ chức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

- Kịp thời báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản về thiệt hại phát sinh và biện pháp xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại do việc dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

- Thông báo công khai trên trang tin điện tử chính thức của tổ chức tham gia thử nghiệm về việc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.

4. Đối với các trường hợp dừng thử nghiệm khẩn cấp do yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do rủi ro nghiêm trọng xảy ra trong quá trình thử nghiệm, ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về quyết định dừng thử nghiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện ngay lập tức các quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này.

Điều 22. Gia hạn thời gian thử nghiệm.

1. Kết thúc thời gian thử nghiệm theo quy định, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm có văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

2. Quyết định kéo dài thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế là quyết định cuối cùng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với thời gian gia hạn thử nghiệm không quá năm (05) năm và có thể được gia hạn tối đa một (01) lần.

3. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm

cùng báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản phản hồi về đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm.

Điều 23. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

1. Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và giải pháp không được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm.

2. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản tham gia ý kiến đối với báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản phản hồi về việc chấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, nhà đầu tư tham gia Cơ chế thử nghiệm

1. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm dự án kinh tế tuần hoàn.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm;

3. Thường xuyên rà soát, phát hiện các dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm.

5. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác trong quá trình kiểm tra, giám sát thử nghiệm khi có yêu cầu.

6. Chủ động tự giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên trong quá trình thử nghiệm.

7. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

8. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a. Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm;

đánh giá việc đáp ứng quy định tại Nghị định này để chấp thuận việc tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với từng trường hợp.

b. Đầu mối tiếp nhận, xử lý việc dừng thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm; đầu mối cấp, thu hồi Giấy chứng nhận thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm.

c. Theo dõi tình hình thực hiện, hướng dẫn và xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có).

d. Cập nhật danh sách các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm trên trang thông tin điện tử chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

e. Chủ trì thực hiện kiểm tra, quản lý và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

f. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật.

g. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện và kiến nghị các giải pháp liên quan nhằm tháo gỡ vướng mắc (nếu có) và/hoặc hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển kinh tế tuần hoàn.

2. Bộ Công an

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có). Chủ động cung cấp thông tin cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan khi phát hiện tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ phát sinh các rủi ro ảnh hưởng tới phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường trên địa bàn thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn;

d. Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng Cơ chế thử nghiệm để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

e. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

5. Bộ Công Thương

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

6. Bộ Xây dựng

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

8. Bộ Tài chính

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia

Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Căn cứ vào dự toán vốn chi thường xuyên thực hiện các nội dung hỗ trợ Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, Bộ Tài chính bố trí kinh phí vốn chi thường xuyên thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

e. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

10. Bộ Tư pháp

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá

trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

11. Bộ Ngoại giao

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp; nghiên cứu, tham mưu về xu thế, khuôn khổ luật lệ quốc tế, kinh nghiệm của các nước gắn với việc triển khai mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm hoàn thiện khung chính sách và pháp lý trong nước.

e. Tham gia thúc đẩy đàm phán với các quỹ phát triển quốc tế trong quá trình thử nghiệm.

12. Bộ Thông tin và Truyền thông

a. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d. Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp;

e. Phối hợp với các bộ, ngành triển khai chính sách tự vấn công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn

và công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn cho cán bộ công chức, viên chức các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a. Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tuần hoàn phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện nội dung hỗ trợ thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn theo quy định của Nghị định này.

c. Xây dựng, tổ chức thực hiện hỗ trợ Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm về các nội dung sản xuất bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn.

d. Phối hợp với các bộ, ngành kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế tuần hoàn theo quy định của pháp luật.

e. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tình hình thực hiện Nghị định tại địa phương.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG